SAO Y; TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP HÒA; 02/04/2024; 17:01:19 +07:00

UBND HUYỆN VĨNH BẢO
TRƯỜNG TH HIỆP HÒA

Số: 15 QĐ-TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hiệp Hòa, ngày 5 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 7016 QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường TH Hiệp Hòa (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng (*kế toán trưởng/phụ trách kế toán)* các *(phòng/tổ/bộ phận)* có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Anh

UBND HUYỆN VĨNH BẢO
TRƯỜNG TH HIỆP HÒA

Biểu mẫu 6.2

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 15 /QĐ - TH ngày 05/02/2024 của trường TH Hiệp Hòa)

TT	Nội dung	Dự toán
1	**2**	**3**
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Học phí (nếu có)**	0
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu ….	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[(1)]	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	0
2.1	**……**	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu …..	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [(1)]	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:……	
2.1.7	Số dư cuối năm	
	……	
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**	0
3.1	**……**	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [(1)]	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: - …….	
	- ……..	
	- …….	
3.1.6	Số dư cuối năm	
	……	
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú….** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	0

[1] Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán
4.1.	**……**	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.1.2	Mức thu ….	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	
4.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:……..	
4.1.7	Số dư cuối năm	
	……	
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học…***(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*	
5.1	**Tiếng anh bổ trợ lớp 3,4,5**	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.1.2	Mức thu /1HS/tháng	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	
5.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy….	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:	
5.1.7	Số dư cuối năm	
5.2	**Kỹ năng sống lớp 1,2**	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.2.2	Mức thu /1HS/tháng	
5.2.3	Tổng số thu trong năm	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	
5.2.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy….	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:	
	Số dư cuối năm	
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, ……** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
6.1	**BHYT**	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu ……	
6.1.3	Tổng thu	
6.1.4	Đã chi	
6.1.5	Dư	
6.2	**Quỹ Đội**	
6.2.1	Số học sinh	
6.2.2	Mức thu ……	
6.2.3	Tổng thu	

TT	Nội dung	Dự toán
6.2.4	Đã chi	
6.2.5	Dư	
6.3	**Hỗ trợ học tin học**	
6.3.1	Số học sinh	
6.3.2	Mức thu ……	
6.3.3	Tổng thu	
6.3.4	Đã chi	
6.3.5	Dư	
6.4	**Sổ liên lạc điệm tử**	
6.4.1	Số học sinh	
6.4.2	Mức thu ……	
6.4.3	Tổng thu	
6.4.4	Đã chi	
6.4.5	Dư	
6.5	**Nước uống**	
6.5.1	Số học sinh	
6.5.2	Mức thu ……	
6.5.3	Tổng thu	
6.5.4	Đã chi	
6.5.5	Dư	
6.6	**XHHGD**	
6.6.1	Số học sinh	
6.6.2	Mức thu ……	
6.6.3	Tổng thu	
6.6.4	Đã chi	
6.6.5	Dư	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	0
1	**Chi sự nghiệp …….**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	**Chi quản lý hành chính**	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	0
1	Học phí	
2	Học nghề	

TT	Nội dung	Dự toán
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**4.142.127**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**3.956.597**
	Chi thanh toán cá nhân	3.585.540
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	100.000
	Chi mua sắm sửa chữa	150.000
	Chi khác	121.057
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**185.530**
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	185.530
	Chi khác	
II	**Nguồn viện trợ**	0
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	0
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	……	
C	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	185.517
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	177.288
	Mức bình quân (đ/người/năm)	120.645
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	50.268
D	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	70
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	13.000

Hiệp Hòa, ngày 05. tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Thị Vui

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN H.VĨNH BẢO T.HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP HÒA

Nguyễn Thị Kim Anh

UBND HUYỆN VĨNH BẢO
TRƯỜNG TH HIỆP HÒA

Biểu mẫu 6.3

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 15 /QĐ - TH ngày 05/02/2024 của trường TH Hiệp Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …..(1)	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ……(1) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Học phí (nếu có)**				0
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu ….				
1.3	Tổng số thu trong năm				
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (2)				
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác				
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				0
2.1	**……**				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
2.1.2	Mức thu …..				
2.1.3	Tổng số thu trong năm				
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)				
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và				

[2] Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …..[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ……[1] nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	giáo viên phụ trách lớp học				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:……				
2.1.7	Số dư cuối năm				
	……				
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**				0
3.1	**……**				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - …….				
	- ……..				
	- …….				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	……				
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú….** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				0
4.1.	**……**				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu ….				
4.1.3	Tổng số thu trong năm				
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]				
4.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:……..				
4.1.7	Số dư cuối năm				
	……				
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng**				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …..[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ……[1] nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học…*(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*				
5.3.7	Số dư cuối năm	0	0		
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, …..** (Nếu có: *Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp …….**				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	**Chi quản lý hành chính**				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe				
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …..[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ……[1] nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**4.142.127**	**4.142.127**	100%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**3.956.597**	**3.956.597**		
	Chi thanh toán cá nhân	3.585.540	3.585.540		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	100.000	100.000		
	Chi mua sắm sửa chữa	150.000	150.000		
	Chi khác	121.057	121.057		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**185.530**	**185.530**		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa	185.530	185.530		
	Chi khác				
II	**Nguồn viện trợ**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Hiệp Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN H.VĨNH BẢO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HIỆP HÒA

Nguyễn Thị Vui

Nguyễn Thị Kim Anh